

Số: 45/2025/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 11 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc ban hành quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 221/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 1335/BC-KTNS ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về việc ban hành quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Thanh Hóa.



## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 11 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 183/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, Kỳ họp thứ 35 thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2025.*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTNS.

**CHỦ TỌA**



**Lê Tiến Lam**  
**Phó Chủ tịch Thường trực**  
**Hội đồng nhân dân tỉnh**





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

### Một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là HĐND tỉnh), Hội đồng nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là HĐND cấp xã) của tỉnh Thanh Hóa.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các đối tượng: Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Đại biểu HĐND các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp của tỉnh Thanh Hóa.

#### Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Các nội dung chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp quy định tại Quy định này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; được phân bổ trong dự toán chi hằng năm của cơ quan, đơn vị quản lý kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND và được thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Trường hợp các khoản chi có tính chất đột xuất cần thiết nhưng chưa được bố trí trong dự toán thì Thường trực HĐND chuyển UBND xem xét cân đối nguồn xử lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của HĐND các cấp, thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Việc chi phục vụ cho các đoàn công tác do HĐND cấp triệu tập đảm bảo.

4. Một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ tương tự nhau được quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất.

5. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.



## Chương II

**MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP CỦA TỈNH THANH HÓA**

**Điều 4. Nội dung chi và mức chi cụ thể**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
<b>I</b>	<b>Chi phục vụ kỳ họp HĐND</b>			
1	Chế độ bồi dưỡng cho Chủ tọa, thư ký kỳ họp (Trường hợp họp vào thứ bảy, chủ nhật thì bồi dưỡng gấp đôi mức quy định)			
-	Chủ tọa	Nghìn đồng /người/buổi	400	280
-	Thư ký	Nghìn đồng /người/buổi	300	200
2	Bồi dưỡng trong các ngày diễn ra kỳ họp			
-	Bồi dưỡng đọc tài liệu cho đại biểu HĐND, khách mời	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
-	Bồi dưỡng cán bộ, công chức, phóng viên, lái xe, nhân viên phục vụ kỳ họp	Nghìn đồng /người/buổi	150	100
3	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời, cán bộ, công chức, phóng viên, lái xe, phục vụ trong các ngày diễn ra kỳ họp	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
<b>II</b>	<b>Chi bồi dưỡng hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực và các Ban của HĐND (đối với ngày thứ bảy, chủ nhật được hưởng gấp 02 lần so với mức quy định)</b>			
	Chi bồi dưỡng cho Đoàn khảo sát, giám sát			
-	Chi bồi dưỡng Trưởng đoàn khảo sát, giám sát	Nghìn đồng /người/buổi	300	200
-	Chi bồi dưỡng thành viên đoàn khảo sát, giám sát; thành phần mời tham gia Đoàn; chuyên viên giúp việc	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
-	Chi bồi dưỡng phóng viên, lái xe, phục vụ	Nghìn đồng /người/buổi	100	70
<b>III</b>	<b>Chi bồi dưỡng đối với các phiên họp của Thường trực HĐND; Phiên giải trình của Thường trực HĐND; các cuộc họp do Thường trực HĐND chủ trì; Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh chủ trì làm việc với Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã, phường; họp Ban HĐND để thẩm tra, ban hành văn bản; Thường trực HĐND tổ chức họp báo trước/sau kỳ họp HĐND tỉnh</b>			



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Bồi dưỡng Chủ trì	Nghìn đồng /người/buổi	400	280
-	Thư ký	Nghìn đồng /người/buổi	300	200
-	Bồi dưỡng Thành viên, đại biểu, khách mời, chuyên viên tham mưu	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
-	Bồi dưỡng phóng viên, lái xe, phục vụ	Nghìn đồng /người/buổi	100	70
<b>IV</b>	<b>Chi phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri</b>			
1	Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND	Điểm /đợt tiếp xúc	3.000	2.000
2	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định, thực hiện khoán chi tiếp xúc cử tri như sau			
-	Đại biểu được bầu tại các xã miền núi	Nghìn đồng /người/năm	5.000	3.000
-	Đại biểu được bầu tại các xã còn lại	Nghìn đồng /người/năm	3.000	2.000
-	Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	Nghìn đồng /đợt tiếp xúc cử tri	500	350
<b>V</b>	<b>Chi cho công tác xã hội</b>			
1	Chế độ thăm hỏi ốm đau đối với đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND			
-	Khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi (không quá 02 lần/người/năm)	Nghìn đồng /người/lần	2.000	1.000
-	Bị bệnh hiểm nghèo được chi trợ cấp (không quá 02 lần/người/năm)	Nghìn đồng /người/lần	5.000	3.000
2	Chi thăm viếng			
2.1	Thường trực HĐND tổ chức chi phúng viếng trong các trường hợp sau			
-	Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND từ trần được phúng viếng	Nghìn đồng/lần	3.000	2.000
-	Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và cấp xã từ trần	Nghìn đồng/lần	2.000	1.000
-	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con đẻ; con nuôi hợp pháp của các đối tượng sau từ trần: Đại biểu HĐND đương nhiệm; các vị nguyên là Thường trực HĐND; Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và cấp xã	Nghìn đồng/lần	2.000	1.000



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
2.2	Hoa viếng		Theo thực tế không quá 1.500.000 đồng/vòng hoa	Theo thực tế không quá 1.000.000 đồng/vòng hoa
3	Chế độ thăm hỏi ốm đau, thăm viếng đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND		Được áp dụng như đối với đại biểu HĐND quy định tại Mục V.1, V.2	
4	Chi thăm, tặng quà cho các cơ quan, đơn vị kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập			
-	Mức quà	Nghìn đồng /đơn vị	3.000	2.000
-	Hoa chúc mừng	Đơn vị	Theo thực tế không quá 1.500.000 đồng/đơn vị	Theo thực tế không quá 1.000.000 đồng/đơn vị
<b>VI</b>	<b>Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của HĐND</b>			
1	Tổ chức hoạt động tổng kết nhiệm kỳ của HĐND			
-	Tặng quà lưu niệm cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời khi tổng kết nhiệm kỳ	Nghìn đồng /đại biểu	1.500	1.000
-	Mức chi tiền ăn cho đại biểu, khách mời, cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng (trường hợp không tổ chức ăn thì được phát tiền)	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
2	Trang bị đầu nhiệm kỳ			
-	Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu HĐND được trang cấp 01 thiết bị máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương (bao gồm các phụ kiện kèm theo nếu có)		Mua sắm theo quy định (trường hợp đại biểu HĐND xã vừa là đại biểu HĐND tỉnh thì chỉ được trang bị ở cấp tỉnh)	
-	Hỗ trợ tiền may trang phục (lễ phục)			
+	Đại biểu HĐND đương nhiệm	Nghìn đồng /người/nhiệm kỳ	10.000	7.000
+	Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND	Nghìn đồng /người/nhiệm kỳ	5.000	3.000
3	Khoán cước điện thoại cho Trưởng Ban, Phó	Nghìn đồng	350	200



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	Trưởng Ban HĐND hoạt động chuyên trách	/người/tháng		
<b>VII</b>	<b>Chi công tác xây dựng văn bản</b> (Mức chi cho báo cáo hoặc văn bản tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)			
1	Xây dựng văn bản phục vụ kỳ họp HĐND			
1.1	Chi công tác tham mưu xây dựng văn bản phục vụ kỳ họp HĐND			
-	(Nhóm 1) Xây dựng chương trình, nội dung kỳ họp, kịch bản điều hành, kế hoạch kỳ họp; (Nhóm 2) Bài phát biểu khai mạc, bế mạc kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /nhóm nội dung	1.500	1.000
-	Chi xây dựng thông báo kỳ họp	Nghìn đồng/kỳ	800	500
1.2	Chi xây dựng các báo cáo (bao gồm xây dựng, chỉnh lý, hoàn thiện báo cáo)			
-	Báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết hành chính, nghị quyết quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, các Báo cáo Thẩm tra khác trình tại kỳ họp	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.400
-	Báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật ban hành mới	Nghìn đồng /văn bản	3.000	2.000
1.3	Chi hoàn thiện dự thảo nghị quyết			
-	Đối với các dự thảo Nghị quyết hành chính, nghị quyết quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.400
-	Hoàn thiện nghị quyết quy phạm pháp luật ban hành mới	Nghìn đồng /văn bản	3.000	2.000
2	Chi xây dựng văn bản phục vụ Đoàn khảo sát, giám sát			
-	Xây dựng kế hoạch và đề cương báo cáo giám sát; báo cáo kết quả giám sát	Nghìn đồng /văn bản	1.500	1.000
-	Xây dựng kế hoạch và đề cương báo cáo khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát	Nghìn đồng /văn bản	1.500	1.000
3	Chi xây dựng các văn bản khác			
-	(Nhóm 1) Chi xây dựng chương trình, nội dung, kịch bản điều hành Phiên giải trình của Thường trực HĐND; (Nhóm 2) Bài phát biểu khai mạc, bế mạc Phiên giải trình; (Nhóm 3) Đề cương phiên giải trình, chất vấn	Nghìn đồng /nhóm nội dung	1.500	1.000
-	Chi xây dựng các bài tham luận tại các Hội nghị do Thường trực HĐND, Ban của HĐND chủ trì	Nghìn đồng/bài	1.500	1.000
-	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận	Nghìn đồng	1.500	1.000



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	tại kỳ họp HĐND	/văn bản		
-	Chi xây dựng tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /văn bản	1.500	1.000
-	Xây dựng thông báo kết luận, báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo	Nghìn đồng /văn bản	1.500	1.000
-	Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND	Nghìn đồng /văn bản	1.000	700
-	Xây dựng và hoàn thiện Báo cáo hoạt động 06 tháng, cả năm của Thường trực HĐND, các Ban HĐND	Nghìn đồng /văn bản	1.000	700
-	Xây dựng báo cáo thẩm tra Tờ trình, Báo cáo và các văn bản khác của UBND trình Thường trực HĐND	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.400
-	Xây dựng và hoàn thiện Nghị quyết, Kết luận của Thường trực HĐND	Nghìn đồng /văn bản	1.000	700

### **Điều 5. Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí thực hiện một số nội dung chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành./.

